TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2023/DS-PT
Ngày: 29/3/2023
V/v tranh chấp tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thảo

Ông Lại Huỳnh Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 620/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022, về việc: "Tranh chấp tài sản chung".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 447/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 464/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2642/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Thị Bích H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 288 đường H1, Phường 13, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Quang B; địa chỉ: Số 154/4 đường 627, tổ 5, ấp TĐ, xã P, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 01 đường Nguyễn Thị B1, phường CĐ, quận HK, Thành phố Hà Nội (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: A06 tầng 9 chung cư PT, số 53 đường NS, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phạm Trọng N, sinh năm 1977 (có mặt);

2/ Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1980 (vắng mặt);

3/ Phạm Bảo C, sinh năm 2011 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: A06 tầng 9 chung cư PT, số 53 NS, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Nguyễn Thái Quỳnh N1, sinh năm 2004 (vắng mặt);

5/ Nguyễn Thái Ngọc K, sinh năm 2008 (vắng mặt);

6/ Nguyễn Thái Ngọc K1, sinh năm 2008 (vắng mặt);

7/ Nguyễn Trọng B2, sinh năm 2011 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 288 đường H1, Phường 13, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

8/ Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình I; địa chỉ: Số 88-88A đường D2, Phường 25, quận W, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 288 đường H1, Phường 13, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H2 – bị đơn và ông Phạm Trọng N – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn - bà Thái Thị Bích H có người đại diện theo ủy quyền là ông Võ Quang B trình bày:

Vào năm 2011, vợ chồng bà Thái Thị Bích H và ông Nguyễn Trọng P có mua căn hộ chung cư tại địa chỉ A06 tầng 9 chung cư PT, số 53 NS, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là căn hộ A06) của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình I (sau đây viết tắt là Công ty I) với số tiền 1.254.600.000 đồng, do ông Nguyễn Trọng P đại diện đứng tên ký hợp đồng mua bán. Sau khi mua căn hộ xong vợ chồng bà H cho con của bà Nguyễn Thị H2 (chị ruột ông P) là ông Phạm Trọng N ở nhờ vì ông N mới ngoài Bắc chuyển vào làm việc cho vợ chồng bà H nhưng chưa có nhà ở.

Ngày 04/3/2019, ông P bị bệnh chết, bà H khai di sản thừa kế và mục đích là bán bớt những tài sản hiện có để trang trải nợ nần công việc do ông P để lại. bà H có đến gặp ông N và yêu cầuông N trả lại nhà nhưngông N không đồng ý.

Trước đây bà H đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận X đòi lại nhà, tại Tòa bà H2 có cung cấp giấy xác nhận ông P lúc còn sống đã nhận số tiền 250.000.000 đồng từ bà H2 góp chung vào để mua căn hộ chung cư này.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là căn hộ A06 theo kỷ phần mà các bên đã đóng góp theo giá trị tại thời điểm mua vào năm 2011 là 1.254.600.000 đồng, hai bên đóng góp như sau: Bà Nguyễn Thị H2 đã góp số tiền mua căn chung cư 250.000.000 đồng, ông Nguyễn Trọng P góp số tiền mua căn chung cư là 1.004.600.000 đồng. Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 21/5/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thẩm định giá MHD thì căn hộ có giá trị 1.747.680.000 đồng vì vậy bà H và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trọng P trả lại cho bà Nguyễn Thị H2 số tiền 350.000.000 đồng; phần còn lại của các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trọng P được hưởng số tiền 1.397.680.000 đồng.

bà H và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trọng P yêu cầu được nhận nhà và trả lại cho bà H2 số tiền 350.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu bà H2 và những người sống trong căn hộ A06 phải bàn giao căn hộ lại cho bà H.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn - bà Nguyễn Thị H2 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H2 - Luật sư Cao Ngọc Sơn trình bày:

Căn hộ A06 hiện tại gia đình con trai bà đang ở (Phạm Trọng N, Trần Thị Kim A, Phạm Bảo C). Bà và ông Nguyễn Trọng P góp tiền mua chung mục đích là để con trai bà ở. Do bà và con bà không có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh nên nhờ ông P đứng tên căn hộ và toàn bộ giao dịch.

ông P có ghi giấy biên nhận ngày 31/8/2011 xác nhận bà có góp số tiền 250.000.000 đồng, 1 lượng vàng 9999. Từ năm 2011 đến cuối năm 2017, bà và con trai bà là Phạm Trọng N có trả cho ông P nhiều lần số tiền 700.000.000 đồng, không có viết biên nhận. Con trai bà là Phạm Trọng N có chuyển khoản 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, có ủy nhiệm chi của Ngân hàng với nội dung "Nghĩa gửi cậu P".

Bà đã góp phần mua căn hộ với ông Nguyễn Trọng P với số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng tức 5/6 giá trị căn hộ. Nay bà sẽ thanh toán cho bà H số tiền còn lại là 1/6 giá trị căn hộ, khoảng 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng và tiền lãi cho bà H nếu bà H yêu cầu. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H là trả 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phạm Trọng N và bà Trần Thị Kim A trình bày:

Ông bà là người sống trong căn căn hộ chung cư A06. Căn hộ trên do mẹ ông N là bà H2 góp tiền mua cùng cậu Phúc. bà H2 đã trả được tổng cộng 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng tức 5/6 giá trị căn hộ cho ông P. Nay bà H2 sẽ thanh toán cho bà H số tiền còn lại là 1/6 giá trị căn hộ, khoảng 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng và tiền lãi cho bà H nếu bà H yêu cầu.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty I có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

Ngày 30/8/2011, Công ty I có bán căn hộ A06 cho ông Nguyễn Trọng P theo Hợp đồng mua bán số 792/HĐMB-PT với số tiền 1.254.600.000 đồng. Ngày 04/3/2019, ông P mất và để lại di sản thừa kế cho bà Thái Thị Bích H, theo Văn bản khai nhận di sản số 003257 ngày 15/11/2019 do Văn phòng Công chứng TT chứng nhận. Công ty I đã xác nhận bà Thái Thị Bích H là chủ sở hữu căn hộ trên vào ngày 17/3/2020 theo Văn bản chuyển nhượng số HĐMB số 792-01/HĐMB-PT. Việc tranh chấp tài sản chung giữa bà Thái Thị Bích H và bà Nguyễn Thị H2 phía công ty không ý kiến và không tranh chấp gì. Công ty sẽ làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở theo qui định pháp luật.

Tại bản tự khai người làm chứng - bà Nguyễn Thị H3 trình bày:

Vào năm 2015 bà có cho chị ruột bà là bà Nguyễn Thị H2 mượn 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để trả tiền mua nhà cho em trai bà là Nguyễn Trọng P. Bà đưa tiền trực tiếp cho con trai bà H2 là Phạm Trọng N nhận chuyển giao cho cậu Phúc, hai bên không làm giấy tờ gì, sau đó bà H2 đã trả nợ cho bà xong.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 447/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Bích H.

Xác định căn hộ căn hộ A06 là của bà Thái Thị Bích H và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trọng P, Nguyễn Thái Quỳnh N1, Nguyễn Thái Ngọc K, Nguyễn Thái Ngọc K1, Nguyễn Trọng B2.

Bà Thái Thị Bích H và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trọng P, Nguyễn Thái Quỳnh N1, Nguyễn Thái Ngọc K, Nguyễn Thái Ngọc K1, Nguyễn Trọng B2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H2 số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng)

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị H2, ông Phạm Trọng N và bà Trần Thị Kim A có nghĩa vụ bàn giao căn hộ căn hộ A06 cho bà Thái Thị Bích H và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trọng P, Nguyễn Thái Quỳnh N1, Nguyễn Thái Ngọc K, Nguyễn Thái Ngọc K1, Nguyễn Trọng B2 khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Thái Thị Bích H và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trọng P, Nguyễn Thái Quỳnh N1, Nguyễn Thái Ngọc K, Nguyễn Thái Ngọc K1, Nguyễn Trọng B2 được quyền liên hệ cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở theo qui định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H2 và ông Phạm Trọng N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị H2 và ông Phạm Trọng N không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo – bà Nguyễn Thị H2 và ông Phạm Trọng N trình bày: bà H2 và ông N đã trả cho ông P 1.000.000.000 đồng tương đương 5/6 giá trị căn hộ, bà yêu cầu nếu bà H nhận căn hộ thì phải trả tiền cho bà, nếu không bà yêu cầu được sở hữu nhà và trả tiền cho bà H. bà H2 đề nghị tiến hành đối chất với bà H để làm rõ các tình tiết của vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ý kiến của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H2 và ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện thủ tục, trình tự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H2 và ông N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 447/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị Kim A, bà Nguyễn Thái Quỳnh N1, Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình I, người làm chứng – bà Nguyễn Thị H3 đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn – bà Nguyễn Thị H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Trọng N đã trình bày nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án có cơ sở khẳng định: Ngày 30/8/2011, Công ty I (bên bán) và ông Nguyễn Trọng P (bên mua) có ký kết Hợp đồng mua bán số 792/HĐMB-PT đối với căn hộ A06, giá trị chuyển nhượng là 1.254.600.000 đồng. Căn cứ Giấy biên nhận ngày 31/8/2011, sự thừa nhận của các bên đương sự thể hiện bị đơn có góp với ông P số tiền 250.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng căn hộ nêu trên. Sau khi ông P chết, căn cứ Văn bản khai nhận di sản số: 008355 ký ngày 15/11/2019 tại Văn phòng Công chứng TT, Công ty I đã lập Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán số 792-01/HĐMB-PT cho bà Thái Thị Bích H. Theo kết quả xác minh của Công an phường PT, quận X và lời khai của đương sự, ông Phạm Trọng N, bà Trần Thị Kim A và cháu Phạm Bảo C đang sinh sống tại căn hộ số A06.

bà H2 và ông N cho rằng ngoài số tiền góp 250.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 31/8/2011, từ năm 2011 đến cuối năm 2017, bà vàông N có trả cho ông P nhiều lần số tiền 700.000.000 đồng, trong đóông N có chuyển khoản cho ông P 100.000.000 đồng tiền mua căn hộ. Xét thấy, bà H2 và ông P không cung cấp được chứng cứ chứng minh có trả ông P số tiền 700.000.000 đồng, phía nguyên đơn không thừa nhận đã nhận của bị đơn và ông P số tiền trên. Theo ủy nhiệm chi ngày 20/12/2017 của Ngân hàng AC ,ông N có chuyển cho ông P số tiền 100.000.000 đồng với nội dung chuyển khoản là "N gửi cậu P". Xét thấy, nội dung trong ủy nhiệm chi không thể hiện việcông N chuyển khoản cho ông P tiền mua căn hộ A06. Mặt khác, việc chuyển khoản diễn ra vào năm

2017, sau thời điểm nhận chuyển nhượng căn hộ rất lâu nên không có cơ sở cho rằng 100.000.000 đồng ông N chuyển cho ông P là tiền mua căn hộ.

Từ những lập luận trên, xét bà H2 chỉ góp với ông P số tiền 250.000.000 đồng trên tổng giá trị căn hộ A06 là 1.254.600.000 đồng. Căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá ngày 21/5/2022 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thẩm định giá MHD thì căn hộ hiện có giá trị 1.747.680.000 đồng. Các bên đương sự đều thống nhất về giá trị tài sản nêu trên. Như vậy, bà H và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trọng P có nghĩa vụ trả lại cho bà H2 với tỉ lệ tương ứng với số tiền đã góp là 348.254.425 đồng, nguyên đơn tự nguyện trả cho bị đơn số tiền 350.000.000 đồng, xét có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Phần còn lại của các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trọng P được hưởng số tiền 1.397.680.000 đồng. bà H2 và những người sống trong căn hộ có nghĩa vụ trả lại nhà cho bà H và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trọng P. Kháng cáo của bà H2 và ông P đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn không có căn cứ.

Bị đơn đề nghị tiến hành đối chất trực tiếp giữa bà và bà H. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đối chất giữa ông Võ Quang B – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn với bị đơn (BL 90-91). Căn cứ Khoản 2 Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: *"Người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự của đương sự theo nội dung văn bản ủy quyền"*. Tại Văn bản ủy quyền của nguyên đơn cho ông Bình (BL 29, 30) thể hiện ông Bình được quyền thay mặt nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp và được quyền quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến vụ án. Như vậy, ông Bình đã thay mặt nguyên đơn thực hiện đối chất với bị đơn đúng theo nội dung văn bản ủy quyền và quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc đối chất trực tiếp giữa bị đơn và bà H.

Xét bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên khách quan, đúng theo quy định của pháp luật, việc tiến hành đối chất đã được thực hiện tại Tòa án cấp sơ thẩm nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – bà Nguyễn Thị H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Trọng N, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 447/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

Về án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho bị đơn. Bị đơn là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm,ông N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – bà Nguyễn Thị H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Trọng N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 447/2022/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Bích H.

Xác định căn hộ căn hộ A06 tầng 9 chung cư PT, số 53 NS, phường PT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là của bà Thái Thị Bích H và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trọng P là Nguyễn Thái Quỳnh N1, Nguyễn Thái Ngọc K, Nguyễn Thái Ngọc K1, Nguyễn Trọng B2.

Bà Thái Thị Bích H và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trọng P là Nguyễn Thái Quỳnh N1, Nguyễn Thái Ngọc K, Nguyễn Thái Ngọc K1, Nguyễn Trọng B2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H2 số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị H2, ông Phạm Trọng N, bà Trần Thị Kim A và trẻ Phạm Bảo C (có ông Phạm Trọng N và bà Trần Thị Kim A giám hộ) có nghĩa vụ bàn giao căn hộ căn hộ A06 tầng 9 chung cư PT, số 53 đường NS, phườngPT, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Thái Thị Bích H và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trọng P là Nguyễn Thái Quỳnh N1, Nguyễn Thái Ngọc K, Nguyễn Thái Ngọc K1, Nguyễn Trọng B2 khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Thái Thị Bích H và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Trọng P là Nguyễn Thái Quỳnh N1, Nguyễn Thái Ngọc K, Nguyễn Thái Ngọc K1, Nguyễn Trọng B2 được quyền liên hệ với Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình I và cơ quan chức năng làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở theo qui định pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H2 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Thái Thị Bích H chịu án phí 53.930.400 đồng (năm mươi ba triệu chín trăm ba mươi ngàn bốn trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 27.750.000 đồng (hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0034929 ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Thái Thị Bích H phải nộp tiếp số tiền 26.180.400 đồng (hai mươi sáu triệu một trăm tám mươi ngàn bốn trăm đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị H2 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Phạm Trọng N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).ông N đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0036503 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THA DS quận X;
- TAND quận X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (T/20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hương